

Bản án số: 126/2018/HC-PT
Ngày: 10 – 5 - 2018
V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Minh

Các thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 485/2017/TLPT – HC ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phan Ngọc A, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: khu tạm cư xã Q, huyện Ch, tỉnh Bến Tre.

- Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre).

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn Tr - Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

2/ Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Bến Tre (UBND huyện Ch, tỉnh Bến Tre).

3/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Bến Tre (Chủ tịch UBND huyện Ch, tỉnh Bến Tre).

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Quang V – Chủ tịch UBND huyện Ch, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Ng - Phó Chủ tịch UBND huyện Ch, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Phan Ngọc A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Căn cứ Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 của UBND tỉnh Bến Tre về việc thu hồi tổng thể diện tích đất để thực hiện công trình dự án cơ sở hạ tầng khu dân cư-khu công nghiệp G.

Ngày 26/10/2009, UBND huyện Ch, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 5337/QĐ-UBND thu hồi của ông diện tích là 33,5m² đất ONT+LNC thuộc thửa 285, tờ bản đồ số 24 tại xã Q và ngày 28/9/2011, UBND huyện Ch tiếp tục ban hành Quyết định số 6818/QĐ-UBND thu hồi của ông thêm diện tích 2.591,7m² đất LUC thuộc thửa 273, tờ bản đồ số 24 tại xã Q, huyện Ch, tỉnh Bến Tre.

Ông khiếu nại đến các cấp có thẩm quyền về việc thu hồi đất của ông không đúng vị trí ranh giới đã lập qui hoạch chi tiết để xây dựng khu dân cư G phục vụ khu công nghiệp G theo quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 169/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bến Tre ban hành ngày 20/01/2015.

Khi có đơn khiếu nại của ông ngày 21/6/2010, UBND huyện Ch có thư mời ông đến xã Q để nghe công bố và trao cho ông bản sao Quyết định đính chính số 1056/QĐ-UBND ngày 05/5/2010 của UBND tỉnh Bến Tre về việc đính chính lại nội dung của Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 phê duyệt quy hoạch chi tiết khu dân cư G.

Ông tiếp tục khiếu nại đến UBND huyện Ch yêu cầu phải căn cứ vào Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 06/5/2010 để thu hồi đất của ông và trong cuộc đối thoại với ông Cao Văn Tr - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre, ông cũng khiếu nại yêu cầu phải căn cứ vào Quyết định số 1056/QĐ-UBND để thu hồi đất của ông, ông Cao Văn Tr cũng đã giao UBND huyện Ch xem xét giải quyết.

Nhưng UBND huyện không giải quyết mà ban hành Quyết định cưỡng chế số 3234/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 buộc ông phải giao đất, nhận tiền và đưa ông vào khu tạm cư ở.

Sự việc đã rồi nên gia đình ông phải chấp nhận và chờ UBND huyện Ch giải quyết khiếu nại. Ngày 07/5/2014, UBND huyện Ch ban hành Quyết định số 3885/QĐ-UBND với nội dung không công nhận khiếu nại của ông. Không đồng

ý với quyết định giải quyết khiếu nại trên, ông tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre. Ngày 18/11/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 2296/QĐ-UBND với nội dung không công nhận khiếu nại của ông.

Không đồng ý với các quyết định trên, ông khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

- Yêu cầu huỷ các quyết định sau: Quyết định thu hồi đất số 5337/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 và Quyết định thu hồi đất số 6818/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của UBND huyện Ch, Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của Chủ tịch UBND huyện Ch tỉnh Bến Tre, Quyết định giải quyết khiếu nại số 2296/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre;

-Yêu cầu UBND tỉnh Bến Tre phải bồi thường đất đai, tài sản trên đất cho ông theo giá Nhà nước qui định ở thời điểm ban hành Quyết định thu hồi đất số 6818/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của UBND huyện Ch theo đúng qui định pháp luật và tính lãi suất ngân hàng cho đến thời điểm ông nhận tiền;

-Yêu cầu UBND tỉnh Bến Tre bán cho ông thêm 01 nền nhà tái định cư (diện tích 232,5m²) liền kề với các nền nhà mà ông đã được bố trí, tổng cộng là 05 nền nhà giá ưu đãi vì hộ ông đông nhân khẩu mà đất đai bị giải tỏa trắng không còn đất ở nơi nào khác.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre trình bày:

Thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư - Khu công nghiệp G tại xã Q, huyện Ch, ông Phan Ngọc A có diện tích đất thu hồi giải tỏa là 2.625,2m², bao gồm: 33,5m² đất ONT+LNC thuộc thửa 285 và 2.591,7m² đất LUC thửa 273 thuộc xã Q để giải tỏa mặt bằng thực hiện dự án trên.

Căn cứ Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 của UBND tỉnh Bến Tre về việc thu hồi tổng thể diện tích đất để thực hiện công trình dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư - Khu công nghiệp G, ngày 26/10/2009, UBND huyện Ch ban hành Quyết định số 5337/QĐ-UBND thu hồi của ông Phan Ngọc A diện tích 33,5m² đất ONT+LNC thuộc thửa 285, tờ bản đồ số 24 và ngày 28/9/2011, UBND huyện Ch ban hành Quyết định số 6818/QĐ-UBND thu hồi tiếp tục diện tích 2.591,7m² đất LUC thửa 273, tờ bản đồ số 24 để giải tỏa mặt bằng, thực hiện dự án trên là phù hợp pháp luật.

Theo phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND huyện Ch phê duyệt tại Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 03/5/2012, Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 23/4/2013, Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 và Quyết định số 5469/QĐ-UBND ngày 16/12/2013, ông Phan Ngọc A được bồi thường về đất, nhà ở, vật kiến trúc, bồi thường hoa màu và các chính sách hỗ trợ với số tiền là 1.220.921.000 đồng. Về chính sách tái định cư, UBND huyện Ch cũng đã giải quyết bố trí cho hộ ông A 04 nền tái định cư.

Như vậy, việc UBND huyện Ch giải quyết bồi thường về đất, nhà ở, vật kiến trúc, hoa màu, các chính sách hỗ trợ ổn định cuộc sống và giải quyết tái định cư cho ông Phan Ngọc A là phù hợp theo quy định tại Nghị định 84/2004/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ tái định cư.

Do vậy việc ông Phan Ngọc A khiếu nại, yêu cầu nâng mức bồi thường, hỗ trợ và giải quyết thêm nền tái định cư là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông A, giữ nguyên các quyết định đã ban hành.

Theo văn bản ý kiến ngày, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Quỳnh Ng là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ch trình bày:

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở công trình Khu nhà ở công nhân phục vụ Khu Công nghiệp G tại xã Q, huyện Ch, tỉnh Bến Tre được UBND tỉnh Bến Tre phê duyệt lại tại quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2005 về việc phê duyệt lại quy hoạch chi tiết Khu dân cư – Khu công nghiệp G, tỉnh Bến Tre và Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 05 tháng 05 năm 2010 về việc đính chính nội dung quyết định số 169/QĐ-UB ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt lại quy hoạch chi tiết Khu dân cư – Khu công nghiệp G, tỉnh Bến Tre về việc thu hồi tổng thể diện tích với tổng diện tích đất thu hồi 53,5 ha đất để lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng công trình.

Căn cứ Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 của UBND tỉnh về việc thu hồi tổng thể diện tích đất để thực hiện công trình dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu dân cư - khu công nghiệp G, tại xã Q, huyện Ch, tỉnh Bến Tre, ngày 16/7/2009, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 3293/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công trình dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu dân cư - khu công nghiệp G tại xã Q, huyện Ch, tỉnh Bến Tre, nội dung thu hồi đất đối với hộ Phan Ngọc A thửa đất số 285, tờ bản đồ số 24, diện tích 33,5 m², loại đất ONT + LNC.

Ngày 26/10/2009, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 5337/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công trình dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu dân cư - khu công nghiệp G tại xã Q, huyện Ch, tỉnh Bến Tre thay thế Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 16/7/2013 của Ủy ban nhân dân huyện, nội dung: thu hồi đất đối với hộ Phan Ngọc A thửa đất số 285, tờ bản đồ số 24, diện tích 33,5 m², loại đất ONT + LNC (lý do: Quyết định 3293 ghi sai họ (Phạm Ngọc Ân) điều chỉnh lại cho đúng là Phan Ngọc A).

Ngày 28/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 6818/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, nội dung thu

hồi đất đối với hộ Phan Ngọc A thừa đất số 273, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.591,7 m², loại đất LUC.

Vào thời điểm năm 2009, hộ ông Ân không hợp tác cho kiểm kê vật kiến trúc trên đất và tài sản gắn liền với đất để làm cơ sở lập phương án bồi thường, mặc dù các ngành chức năng của huyện và xã Q có mời giải thích, động viên. Đến ngày 26/12/2011, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 8322/QĐ-UBND về việc kiểm kê bắt buộc khuôn viên nhà, đất, tài sản gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Phan Ngọc A thuộc dự án Công trình khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ khu công nghiệp G (giai đoạn 1). Kiểm kê bắt buộc vào ngày 10/01/2012.

Ngày 04/11/2011, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 7361/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ khu công nghiệp G, huyện Ch (giai đoạn 1 - đợt 5), hộ ông Phan Ngọc A được bồi thường với số tiền là 814.953.000 đồng.

Ngày 30/12/2011, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định 8379/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 8322/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Ch về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà, đất và tài sản gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Phan Ngọc A thuộc dự án công trình Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ khu công nghiệp G (giai đoạn I).

Ngày 03/5/2012, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2400/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ khu công nghiệp G, huyện Ch (giai đoạn 1 - đợt 7), hộ ông Phan Ngọc A được bồi thường bổ sung với số tiền là 824.678.000 đồng.

Ngày 29/5/2012, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2654/QĐ-UBND về việc đính chính nội dung Quyết định số 8322/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Ch.

Ngày 12/6/2012, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2847/QĐ-UBND về việc đính chính nội dung Quyết định số 5337/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Ch về việc thu hồi đất để thực hiện công trình dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư - Khu công nghiệp G, tại xã Q, huyện Ch, tỉnh Bến Tre, nội dung đính chính phần căn cứ ban hành “Căn cứ Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2006” thành “Căn cứ Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2007”.

Ngày 10/8/2012, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 3903/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án điều chỉnh thu hồi bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ khu

công nghiệp G, huyện Ch giai đoạn 1, hộ ông Phan Ngọc A bị thu hồi với số tiền là 814.953.000 đồng.

Ngày 30/8/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh có Thông báo 187/TB-UBND thông báo kết luận của ông Nguyễn Văn Hiếu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các công trình khu công nghiệp trên địa bàn huyện Ch.

Thực hiện Thông báo số 187/TB-UBND ngày 30/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh, ngày 23/4/2013, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2241/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ khu công nghiệp G, huyện Ch (giai đoạn 1 - đợt 9), hộ ông Phan Ngọc A được bồi thường bổ sung với số tiền 334.342.349 đồng.

Ngày 19/6/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh có Thông báo số 106/TB-UBND thông báo ý kiến kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết giải tỏa di dời 13 hộ dân thuộc dự án xây dựng khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ khu công nghiệp G.

Thực hiện Thông báo số 106/TB-UBND ngày 19/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh, ngày 26/6/2013, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 3181/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ khu công nghiệp G (giai đoạn 1 - lần 10), hộ ông Phan Ngọc A được bồi thường bổ sung với số tiền 4.652.000 đồng (tiền lãi suất có kỳ hạn từ ngày 01/7/2012 đến ngày 30/6/2013).

Ngày 26/6/2013, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 3191/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Phan Ngọc A cư ngụ ấp 7, xã Q, huyện Ch có đất bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng công trình Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ khu công nghiệp G, nội dung nêu: tổng số tiền hộ được nhận là 1.163.672.000 đồng (tiền bồi thường hỗ trợ là 1.139.346.000 đồng; tiền lãi suất ngân hàng từ ngày 24/12/2009 đến ngày 30/6/2013 là 24.326.000 đồng); tổng số nền tái định cư được bố trí là 04 nền.

Theo phương án bố trí tái định cư đã được UBND tỉnh phê duyệt thì hộ ông A được bố trí 03 nền tái định cư theo quy định. Tuy nhiên, qua tiếp xúc làm việc ông A xin được bố trí thêm 01 nền tái định cư do gia đình ông đông nhân khẩu. Sau khi xem xét Hội đồng Bồi thường huyện đã lập tờ trình UBND tỉnh xin chủ trương bố trí thêm cho ông A 01 nền tái định cư. Ngày 30/8/2012 UBND tỉnh có Thông báo số 187/TB-UBND, kết luận của ông Nguyễn Văn Hiếu, Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết vướng mắc trong công tác GPMB các công trình khu công nghiệp trên địa bàn huyện Ch (đồng ý bố trí thêm 01 nền tái định cư cho ông Phan Ngọc A). Như vậy ông Phan Ngọc A được bố trí tổng cộng là 04 nền tái định cư (vượt 01 nền so với quy định).

Ngày 12/7/2013, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 3424/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phan Ngọc A, đăng ký thường trú tại ấp Q1, xã Q để thực hiện công trình dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu dân cư khu công nghiệp G.

Ngày 17/7/2013, ông Phan Ngọc A có đơn gửi Ủy ban nhân dân huyện nội dung khiếu nại Quyết định số 3424/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 của Ủy ban nhân dân huyện về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phan Ngọc A, đăng ký thường trú tại ấp Q1, xã Q để thực hiện công trình dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu dân cư khu công nghiệp G.

Trước khi thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Ủy ban nhân dân huyện đã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể huyện và xã Q tổ chức đối thoại, vận động hộ ông A nhận tiền, bàn giao mặt bằng, kết quả ông A đã đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Do đó, ngày 30/8/2013, Ủy ban nhân dân huyện có Công văn số 2770/UBND-NC trả đơn khiếu nại của ông A đối với quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 08/8/2013, hộ ông Phan Ngọc A đã nhận tiền bồi thường.

Ngày 27/9/2013, ông Phan Ngọc A có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ch, nội dung khiếu nại: Ủy ban nhân dân huyện Ch ban hành quyết định thu hồi đất của ông không nằm trong phạm vi ranh giới quy hoạch đã được phê duyệt; ban hành quyết định kiểm kê bắt buộc căn cứ vào Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thu hồi đất để thực hiện công trình dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu dân cư - khu công nghiệp G tại xã Q, huyện Ch, tỉnh Bến Tre đã bị thay thế là không đúng; chưa ban hành quyết định giải quyết khiếu nại mà ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất là không đúng. Ngày 28/9/2013, ông Phan Ngọc A có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân huyện Ch. Sau khi nghiên cứu nội dung khiếu nại, căn cứ Luật Khiếu nại 2011, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Phiếu trả đơn số 3173/UBND-NC ngày 02/10/2013 trả đơn khiếu nại của ông Phan Ngọc A, lý do hết thời hiệu khiếu nại.

Ngày 12/12/2013, ông Phan Ngọc A có đơn khiếu nại gửi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, nội dung đơn khiếu nại liên quan đến việc thu hồi đất của ông để thực hiện công trình dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu dân cư khu công nghiệp G.

Ngày 16/12/2013, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 5469/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ khu công nghiệp G (giai đoạn 1 - lần 12), hộ ông Phan Ngọc A được bồi thường bổ sung với số tiền 57.249.000 đồng. Hộ ông A chưa nhận tiền bồi thường bổ sung.

Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại của ông A, ngày 19/3/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 1104/UBND-NC về việc chỉ đạo giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Ngọc A.

Thực hiện Công văn số 1104/UBND-NC ngày 19/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Ngọc A, ở xã Q, huyện Ch, Ủy ban nhân dân huyện Ch đã thụ lý và giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Ngọc A theo quy định pháp luật.

- Đối với nội dung ông A khiếu nại việc chưa giải quyết khiếu nại mà ban hành quyết định cưỡng chế: Tại khoản 2, Điều 40, Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì mặc dù chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì người có đất bị thu hồi vẫn phải chấp hành quyết định thu hồi đất. Thời gian qua, các ban, ngành, đoàn thể huyện và Ủy ban nhân dân xã Q đã tích cực vận động hộ ông A chấp hành chủ trương nhà nước, bàn giao mặt bằng, nhưng hộ ông A vẫn không chấp hành, do đó, ngày 12/7/2013, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 3424/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phan Ngọc A, đăng ký thường trú tại ấp Q1, xã Q để thực hiện công trình dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu dân cư khu công nghiệp G là cần thiết và đúng theo quy định pháp luật.

Việc UBND huyện ban hành Quyết định số 6818/QĐ-UBND căn cứ vào Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 của UBND Bến Tre về việc thu hồi tổng thể diện tích đất để thực hiện công trình dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư - Khu công nghiệp G là đúng vì tại thời điểm này Quyết định số 1432/QĐ-UBND vẫn còn hiệu lực, chưa bị hủy bỏ, thay thế. Do đó, việc UBND huyện Ch ban hành Quyết định 6818/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 chỉ căn cứ vào Quyết định thu hồi đất tổng thể số 1432/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 của UBND tỉnh Bến Tre, không căn cứ vào Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 05/5/2010 của UBND tỉnh là phù hợp quy định pháp luật.

Từ các cơ sở nêu trên, việc ông A khiếu nại là không có cơ sở để giải quyết. Ngày 07/5/2014, UBND huyện ban hành Quyết định số 3885/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Ngọc A với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại là đúng quy định pháp luật và UBND tỉnh ban hành quyết định 2296/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 giải quyết khiếu nại của ông Phan Ngọc A với nội dung không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông A là đúng. Đề nghị Toà giữ y các quyết định trên.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 30, 32, Điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ; Luật khiếu nại;

Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UNTƯQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc A về việc yêu cầu hủy các quyết định sau: Quyết định thu hồi đất số 5337/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 và

Quyết định thu hồi đất số 6818/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của UBND huyện Ch đối với hộ ông Phan Ngọc A và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của Chủ tịch UBND huyện Ch đối với ông Phan Ngọc A và Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Phan Ngọc A.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc A về việc yêu cầu UBND tỉnh Bến Tre phải bồi thường đất đai, tài sản trên đất cho ông theo giá Nhà nước qui định ở thời điểm ban hành Quyết định thu hồi đất số 6818/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của UBND huyện Ch theo đúng qui định pháp luật và tính lãi suất ngân hàng cho đến thời điểm ông nhận tiền và yêu cầu UBND tỉnh Bến Tre bán cho ông thêm 01 nền nhà tái định cư (diện tích 232,5m²) liền kề với các nền nhà mà ông đã được bố trí, tổng cộng là 05 nền nhà giá ưu đãi.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 25/7/2017, ông Phan Ngọc A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Lý do: Bản án sơ thẩm không khách quan về bố trí tái định cư không công bằng, không đúng theo phương án đã được phê duyệt, không có bản đồ 1/500 của dự án, việc ban hành quyết định thu hồi đất không minh bạch rõ ràng theo phương án đã được phê duyệt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện giữ nguyên yêu cầu như tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án hành chính đúng trình tự thủ tục. Về nội dung giữ nguyên quyết định xử phạt hành chính của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ. Ông Phan Ngọc A kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, Luật sư và Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Ngọc A kháng cáo trong thời hạn luật định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định:

Thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu dân cư – Khu công nghiệp G huyện Ch, căn cứ Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 của UBND tỉnh Bến Tre về việc thu hồi tổng thể diện tích đất để thực hiện công trình dự án

xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư - Khu công nghiệp G, ngày 26/10/2009, UBND huyện Ch ban hành Quyết định số 5337/QĐ-UBND thu hồi đất đối với hộ ông Phan Ngọc A diện tích là 33,5m² đất ONT+LNC thuộc thửa 285, tờ bản đồ số 24 tại xã Q, huyện Ch. Ngày 28/9/2011, UBND huyện Ch tiếp tục ban hành Quyết định số 6818/QĐ-UBND thu hồi của hộ ông thêm diện tích 2.591,7m² đất LUC thuộc thửa 273, tờ bản đồ số 24 tại xã Q, huyện Ch.

Không đồng ý, ông A khiếu nại và không cho cơ quan có thẩm quyền vào kiểm kê tài sản, vật kiến trúc trên đất. Vì vậy, ngày 26/12/2011 UBND huyện Ch ban hành Quyết định số 8322/QĐ-UBND tiến hành kiểm kê bắt buộc đối với hộ ông A để có cơ sở lập phương án bồi thường. Qua nhiều lần xem xét, giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông và động viên ông giao mặt bằng nhưng ông vẫn không đồng ý, ngày 12/7/2013 UBND huyện Ch ban hành Quyết định số 3424/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông A để giải tỏa mặt bằng. Không đồng ý, ông A khiếu nại. Ngày 07/5/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ch ban hành Quyết định số 3885/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Ngọc A. Ông A không đồng ý, tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Đến ngày 18/11/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2296/QĐ-UBND với nội dung không công nhận không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Ngọc A về việc giải quyết thêm 01 nền tái định cư và công nhận Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của Chủ tịch UBND huyện Ch việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Ngọc A và Quyết định số 4457/QĐ-UBND ngày 19/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện Ch về việc đính chính Quyết định số 3885/QĐ-UBND trên.

Căn cứ Điều 38, 39, 40 và 44 Luật đất đai 2003; Điều 36, 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ; thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu dân cư – Khu công nghiệp G huyện Ch; và căn cứ Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 của UBND tỉnh Bến Tre về việc thu hồi tổng thể diện tích đất để thực hiện công trình dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư - Khu công nghiệp G thì Quyết định thu hồi đất số 5337/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 và Quyết định thu hồi đất số 6818/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của UBND huyện Ch được ban hành là đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục.

Căn cứ các điều 7, 18, 21, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện Ch ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 và Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2296/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

[2.2] Về nội dung:

Tổng diện tích đất mà ông Phan Ngọc A bị thu hồi giải tỏa là 2.625,2m² bao gồm 33,5m² đất ONT+LNC và 2.591,7m² đất LUC thuộc thửa 285, 273 tờ bản đồ số 24 tại xã Q, huyện Ch. Lý do UBND huyện Ch ban hành các quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Phan Ngọc A là thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu dân cư – Khu công nghiệp G huyện Ch. Đây là chủ trương của Ủy ban

nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy hoạch Khu dân cư – Khu công nghiệp G tại xã Q, huyện Ch.

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt lại quy hoạch chi tiết Khu dân cư – Khu công nghiệp G, với tổng diện tích đất thu hồi là 53,5ha thì vị trí phía Tây là giáp đường xã Q đến ngày 05/9/2005, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2958/QĐ-UB về việc phê duyệt lại dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư – Khu công nghiệp G với tổng diện tích 59,93ha, trong đó vị trí phía Tây là giáp kênh xã Q. Ngày 25/6/2009, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1432/QĐ-UBND về việc thu hồi tổng thể diện tích đất để thực hiện dự án đã được phê duyệt. Do trong quá trình triển khai thực hiện dự án trên, UBND tỉnh Bến Tre nhận thấy Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 20/01/2005 trước đây đã nêu cạnh phía Tây là giáp đường xã Q như vậy là chưa chính xác nên UBND tỉnh ban hành Quyết định 1056/QĐ-UBND đính chính nội dung Quyết định số 169/QĐ-UB để điều chỉnh lại chính xác theo diện tích quy hoạch chung, và xác định lại cạnh phía Tây giáp kênh xã Q (cách lộ Chùa vào UBND xã Q khoảng 900m về thị trấn Ch).

Đối với hộ ông Phan Ngọc A, UBND huyện Ch đã ban hành các quyết định thu hồi đất sau:

Ngày 26/10/2009, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 5337/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công trình dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu dân cư - khu công nghiệp G tại xã Q, huyện Ch, tỉnh Bến Tre thay thế Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 16/7/2013 của Ủy ban nhân dân huyện, nội dung Quyết định: thu hồi đất đối với hộ Phan Ngọc A thửa đất số 285, tờ bản đồ số 24, diện tích 33,5 m², loại đất ONT + LNC với lý do: Quyết định 3293 ghi sai họ (Phạm Ngọc Ân) điều chỉnh lại cho đúng là Phan Ngọc A.

Ngày 28/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 6818/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, nội dung thu hồi đất đối với hộ Phan Ngọc A thửa đất số 273, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.591,7 m², loại đất LUC.

Ông A cho rằng diện tích đất của ông bị thu hồi theo Quyết định 6818/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 là không nằm trong quy hoạch vì căn cứ ban hành quyết định thu hồi đất này không đề cập đến Quyết định 1056/QĐ-UBND là không có cơ sở, bởi lẽ mặc dù các quyết định trước đây có nêu không chính xác về vị trí cạnh phía Tây nhưng về diện tích theo quy hoạch chung thì phần đất của ông vẫn nằm trong tổng thể diện tích đất quy hoạch được phê duyệt. Trong quá trình thực hiện, các cơ quan có thẩm quyền có quyền điều chỉnh một phần nội dung các quyết định, các nội dung khác không bị điều chỉnh vẫn có hiệu lực thi hành. Vì vậy, vào thời điểm Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 6818/QĐ-UBND thì Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 của UBND tỉnh Bến Tre vẫn còn hiệu lực, chưa bị hủy bỏ, thay thế, do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện Ch ban hành Quyết định 6818/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 chỉ căn cứ vào Quyết định thu hồi đất tổng thể số 1432/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 của UBND tỉnh Bến Tre, không căn cứ vào Quyết định số 1056/QĐ-

UBND ngày 05/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đính chính nội dung Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 20/01/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt lại quy hoạch chi tiết Khu dân cư - Khu công nghiệp G, tỉnh Bến Tre là phù hợp quy định pháp luật.

Khi ông A khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Ch về Quyết định 6818/QĐ-UBND, ông A còn khiếu nại việc UBND huyện Ch vào ngày 12/7/2013, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 3424/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phan Ngọc A và Quyết định số 8322/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Ch về việc kiểm kê bắt buộc khuôn viên nhà, đất, tài sản gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Phan Ngọc A.

Đối với nội dung khiếu nại Quyết định số 3424/QĐ-UBND thì căn cứ Khoản 2, Điều 40, Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính Phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có nội dung: *“Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất ...”*. Như vậy, mặc dù chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì người có đất bị thu hồi vẫn phải chấp hành quyết định thu hồi đất. Hơn nữa, khi thực hiện các quyết định thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân xã Q cùng các ban, ngành, đoàn thể huyện và đã tích cực vận động hộ ông A chấp hành chủ trương nhà nước, bàn giao mặt bằng, nhưng hộ ông A vẫn không chấp hành, do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 3424/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 là cần thiết và đúng theo quy định pháp luật.

Đối với khiếu nại Quyết định số 8322/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Ch do ngày 26/12/2011, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 8322/QĐ-UBND ghi căn cứ Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của Ủy ban nhân dân huyện là không phù hợp vì quyết định này đã bị thay thế bởi Quyết định 5337/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 nên ngày 30/12/2011, Chủ tịch UBND huyện Ch đã ban hành Quyết định số 8379/QĐ-UBND để điều chỉnh Quyết định số 8322/QĐ-UBND.

Quá trình giải quyết khiếu nại của ông A được Chủ tịch UBND huyện Ch đã xem xét nhưng do không có cơ sở chấp nhận nên ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 bác yêu cầu của ông là đúng quy định theo Luật Khiếu nại. Do có sai sót nên Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 4457/QĐ-UBND ngày 19/6/2014 về việc đính chính Quyết định số 3885/QĐ-UBND. Không đồng ý ông A tiếp tục khiếu nại Chủ tịch đến UBND tỉnh Bến Tre nhưng do không có cơ sở để xem xét nên ngày 18/11/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2296/QĐ-UBND với nội dung không công nhận không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Ngọc A là phù hợp theo quy định pháp luật.

Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Căn cứ Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 14/12/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi

thường thiệt hại giải phóng mặt bằng và các quyết định phê duyệt bổ sung của UBND huyện Ch số 7361/QĐ-UBND ngày 04/11/2011, số 2400/QĐ-UBND ngày 03/5/2012, số 2241/QĐ-UBND ngày 23/4/2013, số 3181/QĐ-UBND ngày 26/6/2013, số 5469/QĐ-UBND ngày 16/12/2013, hộ ông A được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 1.220.921.000 đồng và giải quyết cho ông 04 nền tái định cư. Theo phương án bố trí tái định cư đã được UBND tỉnh phê duyệt thì hộ ông A được bố trí 03 nền tái định cư theo quy định. Tuy nhiên, qua tiếp xúc làm việc ông A xin được bố trí thêm 01 nền tái định cư do gia đình ông đông nhân khẩu. Sau khi xem xét Hội đồng bồi thường huyện đã lập tờ trình trình UBND tỉnh xin chủ trương bố trí thêm cho ông A 01 nền tái định cư. Ngày 30/8/2012, UBND tỉnh có Thông báo số 187/TB-UBND, kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các công trình khu công nghiệp trên địa bàn huyện Ch (đồng ý bố trí thêm 01 nền tái định cư cho ông Phan Ngọc A). Như vậy Ông Phan Ngọc A được bố trí tổng cộng là 04 nền tái định cư (vượt 01 nền so với quy định). Hơn nữa, tại thời điểm UBND huyện Ch ban hành quyết định thu hồi đất đối với phần diện tích 33,5m² đất ONT+LNC là vào năm 2009 và đối với phần diện tích 2.591,7m² đất LUC là vào năm 2011. Ông A yêu cầu tính mức bồi thường, hỗ trợ lãi suất ngân hàng đối với phần diện tích 2.591,7m² tại thời điểm có quyết định thu hồi đất. Đối chiếu với các điều khoản của các quyết định mà UBND huyện Ch vận dụng để áp giá bồi thường, hỗ trợ cho ông là phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, trong quá trình áp giá đền bù, UBND huyện Ch đã họp thống nhất và xem xét giải quyết theo hướng có lợi cho ông vì áp giá thời điểm năm 2009 và tính lãi suất ngân hàng đến ngày 30/6/2013 là cao hơn so với áp giá thời điểm năm 2011; đồng thời ông A cũng đã thống nhất với phương án áp giá năm 2009 và đồng ý nhận tiền bồi thường được thể hiện qua biên bản làm việc ngày 05/8/2013 (BL125, 139). Về việc giải quyết nền tái định cư, sau khi xét hoàn cảnh thực tế của gia đình ông, UBND tỉnh đã có chủ trương bố trí thêm cho ông 01 nền tái định cư, tổng cộng là 04 nền (gồm 02 nền ưu đãi và 02 nền hỗ trợ), vì vậy, việc ông A yêu cầu giải quyết cho ông thêm 01 nền tái định cư (diện tích 232,5m²) tổng cộng là 05 nền tái định cư có vị trí liền kề là không có cơ sở để xem xét.

Từ các cơ sở trên, xét thấy Quyết định thu hồi đất số 5337/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 và Quyết định thu hồi đất số 6818/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của UBND huyện Ch, Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của Chủ tịch UBND huyện Ch, tỉnh Bến Tre, Quyết định giải quyết khiếu nại số 2296/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre, được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo quy định pháp luật. Đồng thời, các yêu cầu của ông A về việc yêu cầu UBND tỉnh Bến Tre phải bồi thường đất đai, tài sản trên đất cho ông theo giá Nhà nước qui định ở thời điểm ban hành Quyết định thu hồi đất số 6818/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của UBND huyện Ch theo đúng qui định pháp luật và tính lãi suất ngân hàng cho đến thời điểm ông nhận tiền và yêu cầu UBND tỉnh Bến Tre bán cho ông thêm 01 nền nhà tái định cư (diện tích 232,5m²) liền kề với các nền nhà mà ông đã được bố trí, tổng cộng là 05 nền nhà giá ưu đãi là không có cơ sở để

xem xét. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc A.

Từ những nhận định trên, án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc A là phù hợp là có cơ sở.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, bản án sơ thẩm đã nhận định và quyết định như trên là có cơ sở pháp luật. Ông Phan Ngọc A kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Phan Ngọc A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bởi lẽ đó nên giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Ngọc A, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 30, 32, Điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ; Luật khiếu nại;

Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UNTƯQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc A về việc yêu cầu hủy các quyết định sau: Quyết định thu hồi đất số 5337/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 và Quyết định thu hồi đất số 6818/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của UBND huyện Ch đối với hộ ông Phan Ngọc A và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của Chủ tịch UBND huyện Ch đối với ông Phan Ngọc A và Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Phan Ngọc A.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc A về việc yêu cầu UBND tỉnh Bến Tre phải bồi thường đất đai, tài sản trên đất cho ông theo giá Nhà nước qui định ở thời điểm ban hành Quyết định thu hồi đất số 6818/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của UBND huyện Ch theo đúng qui định pháp luật và tính lãi suất ngân hàng cho đến thời điểm ông nhận tiền và yêu cầu UBND tỉnh Bến Tre bán

cho ông thêm 01 nền nhà tái định cư (diện tích 232,5m²) liền kề với các nền nhà mà ông đã được bố trí, tổng cộng là 05 nền nhà giá ưu đãi.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hành chính phúc thẩm: ông Phan Ngọc A phải chịu 300.000 đồng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà đương sự đã nộp theo biên lai thu số 0002684 ngày 25/7/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- NKK (1);
- NBK (3);
- Lưu (3) 15b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Minh